

# PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

ThS. TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG  
Trưởng Đại học Điện lực

## 1. Đặt vấn đề

Kiểm tra và đánh giá (KTĐG) kết quả học tập của sinh viên (SV) ở một môn học là một vấn đề không đơn giản. Nhiệm vụ của kiểm tra và đánh giá là xác định được tình hình kiến thức, sự thành thạo các kĩ năng, nâng cao khả năng tư duy: phân tích, tổng hợp, phán đoán, hệ thống hóa, khái quát hóa các kiến thức của môn học đã được giảng dạy. Qua kiểm tra và đánh giá, SV tự nhận biết được việc học tập của mình và giảng viên (GV) tự xem lại và đánh giá các phương pháp giảng dạy đã sử dụng, thấy được các mặt đạt được cũng như những mặt chưa đạt để cải tiến, định ra được những biện pháp sư phạm thích hợp hơn nữa nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [1]. Đối với nhà trường, khoa, những người quản lí đào tạo, qua kiểm tra và đánh giá có thể hỗ trợ cho giảng viên hoàn thành tốt việc giảng dạy của họ và quan trọng hơn nữa là hoàn thiện mục tiêu đào tạo của mình. Trong phạm vi bài viết này, tác giả xin đề cập đến những nội dung chính: các khái niệm kiểm tra và đánh giá, đặc điểm và nhiệm vụ cơ bản của phương pháp KTĐG chất lượng; và các phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng thường được dùng trong quá trình dạy học ở bậc đại học, cũng như ưu, nhược điểm của các loại hình kiểm tra và đánh giá này. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số ý kiến nhằm đưa phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng đến với GV và SV, góp phần nâng cao chất lượng học tập ở bậc đại học và trên đại học.

## 2. Khái niệm về kiểm tra, đánh giá

### 2.1. Kiểm tra

Kiểm tra là quá trình đo lường để đưa ra các nhận xét, phán quyết dựa vào các kết quả thực tế so sánh với những tiêu chuẩn nhằm phát hiện sự sai lệch và nguyên nhân sự sai lệch, đánh giá thực trạng, xác định các mặt tích cực, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đưa ra biện pháp để điều chỉnh kịp thời hướng tới mục tiêu đề ra [6].

Kiểm tra là một chức năng cơ bản, chủ yếu của quá trình dạy học. Chức năng này gồm:

- *Xác định kết quả học tập của SV theo những mục tiêu của môn học.*

- *Phát hiện lệch lạc:* Việc kiểm tra sẽ phát hiện được những mặt đạt được và chưa đạt được mà môn học đã đề ra đối với SV. Qua đó tìm được những khó khăn và trở ngại trong quá trình học tập.

- *Điều chỉnh lệch lạc:* Qua kiểm tra, GV tìm được những điều chỉnh cần thiết trong quá trình giảng dạy, loại trừ những lệch lạc, tháo gỡ những khó khăn trở ngại, thúc đẩy quá trình chiếm lĩnh tri thức của người học.

### 2.2. Đánh giá

Thuật ngữ đánh giá (assessment) được nhiều tác giả đề cập ở các lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội. Theo CRESST (Center for Research on Evaluation, Standards and Student Testing) thì, đánh giá là quá trình kiểm tra, đo kĩ năng và năng lực. Đánh giá bao gồm các kiểm tra về năng lực, kiểm tra về thành tích và kiểm tra sàng lọc.

Đánh giá là quá trình thu thập các số liệu, thông tin nhận được trong kiểm tra để ước lượng, nhận định, phán đoán, phân tích, xử lí thông tin để tìm ra các chỉ số về lượng, giá trị hoặc sự quan trọng của nó trong so sánh với các mục đích, mục tiêu đã đặt ra từ trước và từ đó đưa ra phán xét, khuyến nghị và đề xuất các ý kiến nhằm giúp cải thiện, cải tiến thích hợp để điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập và giảng dạy [6].

Đánh giá còn là quá trình xác định mức độ đạt đến mục đích yêu cầu của người học đối với môn học, là mô tả định tính và định lượng những khía cạnh về kiến thức, kĩ năng của SV [5].

**Công cụ của đánh giá:** Là phương tiện để đo và xử lí thông tin. Khi đánh giá thường dựa vào các thông tin, dữ liệu sau:

- *Số đo:* là điểm số làm bài kiểm tra của SV.
- *Lượng giá:* dựa vào số đo đưa ra những kết luận ước lượng trình độ kiến thức, kĩ năng của từng SV.
- *Lượng giá theo chuẩn:* so sánh số đo mỗi cá nhân trong tổng hợp chung của cả lớp.
- *Lượng giá theo tiêu chí:* so sánh số đo của cá nhân với tiêu chí đề ra ban đầu.

**Một số hình thức đánh giá:** Việc phân loại đánh giá GD được thực hiện dựa vào các tính chất

như quy mô, vị trí của người đánh giá, tính chất thường xuyên hay thời điểm hoặc mục tiêu... Đánh giá chất lượng kết quả môn học có một số loại chính sau:

- *Đánh giá đầu vào* nhằm tuyển lựa những học viên có thể học những khoá theo tiêu chí hay mục tiêu của môn học/đơn vị đào tạo.

- *Đánh giá thường xuyên* cung cấp phản hồi cho GV trong suốt quá trình giúp chẩn đoán, xác định trình độ đạt được hoặc đo kiến thức, kĩ năng hiện tại nhằm cải thiện hoạt động hướng dẫn, giảng dạy và xác định những mục tiêu của môn học hoặc một chương trình tương lai cho phù hợp.

- *Đánh giá định kì* là đánh giá có kế hoạch, lộ trình nội dung, kiến thức, kĩ năng, thái độ trong chương trình sau một giai đoạn ngắn của môn học.

- *Đánh giá tổng kết* là đánh giá ở mức cao nhất thực hiện vào cuối khóa học để cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động học tập của SV về các mặt nội dung kiến thức, kĩ năng và thái độ sau một quá trình/khóa học và được sử dụng để công nhận SV đã hoặc không hoàn thành khóa học.

**Nguyên tắc đánh giá:** Có hai nguyên tắc cơ bản đối với đánh giá trên lớp học là phải đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị. Hai nguyên tắc này đã được công nhận rộng rãi trên thế giới, phù hợp với mô hình lớp học truyền thống và cả mô hình xã hội học tập.

### 3. Đặc điểm và nhiệm vụ của KTĐG

#### 3.1. Đặc điểm cơ bản của việc của KTĐG

KTĐG cung cấp thông tin về trình độ, sở trường cũng như nhược điểm của từng SV. Mặt khác, KTĐG cung cấp dữ liệu, thông tin về hiện trạng đào tạo giúp nhà quản lý giáo dục đề ra các chính sách, giải pháp giáo dục đúng đắn, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giảng dạy-học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Như vậy, KTĐG góp phần liên hoàn quy trình đào tạo, từ việc dạy, việc học đến việc quản lý giáo dục một cách hiệu quả, thống nhất. Là một bộ phận không thể tách rời của quy trình dạy-học, đặc điểm nổi bật của phương pháp KTĐG chất lượng là sự tương thích giữa KTĐG và quy trình dạy-học [5].

KTĐG không diễn ra một cách độc lập vào cuối kì hoặc giữa kì mà kế thừa giữa quá trình học với các kì thi, kiểm tra, giữa các kì thi, kiểm tra và giữa các hình thức kiểm tra và đánh giá với nhau. Nội dung KTĐG thống nhất với nội dung của chương trình học thông qua sự cụ thể hoá mục tiêu đào

tạo. Cách thức KTĐG được tiến hành thiết thực với ngành nghề đào tạo. Sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng và quy trình dạy học còn được thể hiện ở chỗ: trọng tâm của phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng chính là hoạt động học.

Một hiện tượng tương đối phổ biến ở các trường đại học là KTĐG mới chỉ đặt trọng tâm tìm cách đánh giá trình độ, tri thức của SV trong khi xu thế thời đại đối với KTĐG nói riêng và chương trình học nói chung đang phát triển theo hướng dựa trên các kĩ năng (skill-based), vượt lên mọi việc dựa trên nội dung kiến thức (content-based).

KTĐG chỉ có thể góp phần nâng cao chất lượng học của SV khi các hình thức KTĐG yêu cầu SV phải tư duy ở mức độ cao, tiến tới tư duy một cách độc lập. Phương pháp KTĐG chất lượng, bằng việc sử dụng các hình thức KTĐG giá duy lí, đã khuyến khích lối tư duy sáng tạo, tổng hợp qua đó mà chất lượng học của người học được nâng cao.

#### 3.2. Nhiệm vụ cơ bản của việc của KTĐG

• **Đối với nhà trường:** Các cán bộ quản lý đào tạo qua KTĐG có thể rút ra được những giai đoạn, công cụ - thiết bị thích hợp hỗ trợ cho GV hoàn thành tốt việc giảng dạy của họ và hoàn thiện mục tiêu đào tạo của mình, quyết định kết quả và công bố cho SV và phụ huynh biết.

• **Đối với giảng viên:** Thông qua KTĐG giảng viên tự đánh giá việc giảng dạy của mình. GV thấy được mặt thành công và những vấn đề cần rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy đối với môn học mình phụ trách. Để đạt mục tiêu này, GV phải rộng lượng và nghiêm túc chấp nhận những ý kiến trái ngược khi những ý kiến đó được dẫn chứng đúng đắn.

• **Đối với sinh viên:** Làm rõ được việc lĩnh hội kiến thức, sự thành thạo kĩ năng, trình độ phát triển tư duy trong việc nắm kiến thức môn học. SV nhận thức được các mặt thiếu sót của mình và tự đánh giá việc học tập của mình là mục tiêu quan trọng nhất.

KTĐG là khâu không thể thiếu của quá trình giảng dạy, là một biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học [2]. Ngoài việc GV tiến hành kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của SV, SV còn phải biết tự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của chính mình.

Trong việc KTĐG, mối quan hệ giữa GV và SV phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau. GV



cần tạo điều kiện cho SV phát huy tính tự giác, trung thực, độc lập, sáng tạo trong khi làm bài kiểm tra dù ở bất kì hình thức nào. GV cần tạo ra không khí thoải mái, tự tin, tránh căng thẳng để SV có thể đạt được kết quả đúng năng lực của họ. Kiểm tra và đánh giá là hai công việc có nội dung khác nhau nhưng có quan hệ mật thiết với nhau. Thời điểm kiểm tra và đánh giá trước khi học tập nhằm tuyển lựa những học viên có thể học những khoá theo tiêu chí hay mục tiêu của đơn vị đào tạo, hoặc trong khi học tập và sau khi học xong học phần theo quy định.

#### **4. Một số phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học thông dụng ở bậc đại học**

##### **4.1. Quan sát trên lớp**

Là phương pháp thu thập thông tin về SV thông qua tri giác trực tiếp và ghi chép trung thực những hoạt động, kĩ năng thực hành, kĩ năng giải quyết vấn đề, hành vi, phản ứng, thái độ, sắc thái tình cảm,... trong các tình huống cụ thể. Ưu điểm của phương pháp này là GV đánh giá, nhận xét kết quả học tập và rèn luyện của SV trực tiếp.

##### **4.2. Bài làm tự luận**

Mục tiêu của loại hình này là kiểm tra kiến thức, sự chuyên cần và khả năng phân tích - tổng hợp và lập luận của SV. Ưu điểm là kiểm tra được trình độ, sự linh hoạt kiến thức được cung cấp, khả năng diễn đạt, trình bày nội dung lập luận giải quyết vấn đề, khả năng suy luận logic, khả năng tư duy ở mức độ cao, khả năng sáng tạo của SV. Việc biên soạn câu hỏi tương đối dễ, tốn ít thời gian và có thể dựa vào kinh nghiệm. Nhược điểm là tính khách quan không cao, vì phụ thuộc vào chữ viết, khả năng diễn đạt, cách giải bài, cách hành văn. Tính vô tư và sáng suốt của GV chấm bài không đảm bảo. Mất nhiều thời gian chấm bài và thường chỉ kiểm tra sự linh hoạt kiến thức SV. Để thi tự luận trong một thời gian ngắn không kiểm tra được hết mục tiêu chương trình.

##### **4.3. Câu hỏi ngắn**

Ưu điểm của loại hình này bao quát, dễ soạn thảo, tính khách quan tương đối và đánh giá nhanh. Nhược điểm là kiểm tra khả năng tổng hợp không cao. Điều kiện đạt kết quả cao của loại hình này là đặt vấn đề chính xác, rõ ràng và cách giải quyết phải ngắn gọn, nhanh chóng.

##### **4.4. Vấn đáp**

Là phương pháp GV sử dụng thường xuyên và phổ biến nhất trong đánh giá nhằm kiểm tra

kiến thức SV có chọn lựa, thái độ học tập, sự nhạy bén nắm bắt vấn đề, phát triển kĩ năng nói, khả năng ứng đối và kĩ năng trình bày ý tưởng của SV trong mức độ kiến thức nhận được. Ưu điểm là trực tiếp đối thoại với SV, tính khách quan tương đối cao nếu có nhiều GV hỏi và đặt được nhiều câu hỏi để lượng giá nhiều mặt: Mức độ suy luận, sự nhanh trí hay không? Nhược điểm của vấn đáp là ít thời gian cho SV suy nghĩ, mất thời gian nếu tính chủ động và sự tích cực trong học tập của SV kém.

##### **4.5. Trắc nghiệm khách quan**

Tiêu chuẩn của trắc nghiệm: Câu trắc nghiệm phải rõ ràng, giúp đánh giá được kết quả học tập giảng dạy, soạn thảo phải dựa theo mục tiêu và giáo trình, tăng kiến thức của SV và giúp SV nhận định được những phần cốt lõi của một vấn đề. Ưu điểm: Trong một thời gian ngắn có thể kiểm tra được nhiều kiến thức cụ thể, từng khía cạnh khác nhau. Số câu hỏi nhiều nên bao hàm tính dàn trải khá lớn. Tốn ít thời gian thực hiện trong khâu chấm bài. Bảo đảm tính khách quan, độ tin cậy cao khi chấm điểm. Giúp GV có thể dùng các phương pháp thống kê toán học nhằm phát hiện được sự tiếp thu đồng bộ hay không trong lớp học. Cho phép lượng hoá được việc giảng dạy. SV có thể tự đánh giá bài làm của mình. Giúp cho SV kĩ năng phán đoán 1 vấn đề. Do cần có thao tác và tư duy nhanh nên tránh được quay cóp, khi số thí sinh đông dùng phương pháp này là thuận lợi. Nhược điểm: SV làm bài một cách bị động do không yêu cầu SV diễn đạt bài giải dưới dạng hành văn. Hạn chế tư duy sáng tạo của SV, chỉ rèn luyện trí nhớ máy móc. Những câu trắc nghiệm cần tư duy tổng hợp không thể làm trong thời gian ngắn có chỉ định được. Chỉ cho GV biết kết quả làm bài của SV, không biết quá trình và khả năng tư duy giải quyết vấn đề của SV. Khi SV tự cấu trúc bài làm của mình SV có điều kiện bộc lộ tư tưởng, kĩ năng, tình cảm, thái độ liên quan đến môn học được kiểm tra. Một nhược điểm nữa là rất tốn người làm đề thi và không đánh giá được những khả năng tư duy ở mức độ cao.

##### **4.6. Thi thực hành**

Mục tiêu của loại hình này là kiểm tra kiến thức đã học và kĩ năng vận dụng trong hiện thực và giải quyết vấn đề thực tế với sự hỗ trợ của công cụ và số liệu cụ thể. Ưu điểm là tính khách quan cao vì tự thân SV phải giải quyết ngay vấn đề được yêu cầu và kết quả có thể được đánh giá khách quan. Nhược

điểm là mất nhiều thời gian và cần có đủ thiết bị, phương tiện và cơ sở thực tập. Điều kiện đạt kết quả cao là cần hoàn tất kiến thức, lí thuyết trước khi vào thực hành và sửa soạn chu đáo phương tiện thiết bị trước tránh thời gian chết do khâu chuẩn bị kém.

**4.7. Sinh viên tự KTĐG và đánh giá đồng đẳng**

Mục tiêu của loại hình này là SV tự KTĐG và KTĐG lẫn nhau, SV sẽ học cách đánh giá nỗ lực và tiến bộ cá nhân, biết cách nhìn lại quá trình học tập và tự phát hiện những điểm cần thay đổi để hoàn thiện bản thân. Ưu điểm là phát triển việc tự học trong SV, tạo được môi trường học tập thân thiện giữa SV với nhau, điều kiện tốt cho việc hỗ trợ nhau cùng tiến trong học tập và việc kiểm tra một vấn đề có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần. Nhược điểm là tính khách quan không cao do người tự kiểm tra có thể tự thỏa mãn với câu trả lời hoặc kết quả mình tìm được. Điều kiện đạt kết quả cao là SV phải nghiêm khắc với chính mình, tự kiểm tra một vấn đề nhiều lần, nhiều mặt qua nhiều câu hỏi tương ứng, bài giảng phải được ghi đầy đủ, chính xác và có đủ tài liệu tham khảo.

**4.8. Điểm sách**

Loại hình đánh giá này yêu cầu SV tìm đọc tài liệu tham khảo theo đề tài đã cho trước hoặc tự chọn. Sau khi đọc, SV tóm tắt, phân tích, bình luận về tài liệu đó dưới dạng bài viết (essays) hoặc trình bày trước lớp (presentations). Điểm sách giúp SV hình thành kĩ năng tìm tài liệu thích hợp, chất lọc thông tin, đánh giá chất lượng thông tin. Nhược điểm là SV có thể đọc một cách thụ động, việc đọc chỉ dừng ở mức tóm tắt nội dung của tài liệu, có thể là SV thiếu tài liệu tham khảo, hoặc thiếu công cụ tìm “đọc” tài liệu một cách hiệu quả.

**4.9. Báo cáo**

Loại hình đánh giá này yêu cầu SV viết báo cáo thu hoạch sau khi thực hành, ví dụ như đi thực địa, hội thảo, thí nghiệm phòng lab. Viết báo cáo rèn cho SV kĩ năng viết, phân tích tổng hợp dựa trên số liệu thực tế. Báo cáo thu hoạch, theo tác giả, là mấu chốt của “học đi đôi với hành” khi SV không chỉ thực hành những cái đã học mà còn biết mổ xẻ, khái quát hoá kinh nghiệm thực tế góp phần nâng cao kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, việc đánh giá báo cáo thu hoạch mất rất nhiều thời gian của GV. Bên cạnh việc đọc báo cáo, GV còn phải trực tiếp theo dõi việc thực hành của SV.

**4.10. Sổ tay công tác**

Đây là một loại hình KTĐG khá độc đáo. SV

định kì ghi lại những nội dung kiến thức họ nắm được trên lớp và phát triển những kiến thức đó sâu rộng hơn trên cơ sở tham khảo các tài liệu khác và nghiên cứu của chính mình. Sổ tay công tác tạo cho SV thói quen nghiên cứu khoa học và có thể trở thành một tài liệu rất hữu ích trên con đường nghiên cứu khoa học sau này. Ghi lại kiến thức một cách có hệ thống giúp SV định hướng được lĩnh vực khoa học mà họ quan tâm. Nhược điểm là bài tập này đòi hỏi SV phải có ý thức học tập cao và một khả năng nghiên cứu khoa học nhất định mà không phải bất cứ SV nào cũng có được. Thứ hai là việc đánh giá định kì sổ tay công tác không mang tính hiệu quả cao vì tiêu chí đánh giá khó xác định, việc đánh giá mất nhiều thời gian và công sức của GV.

**4.11. Bài tập lớn, đồ án, luận văn**

*Bài tập lớn* là loại hình bài tập tổng hợp với sự lập luận đáng kể, khối lượng tính toán lớn, dùng nhiều kĩ thuật tính và nói chung có thể chia thành nhiều bài tập nhỏ.

*Đồ án tốt nghiệp* là công trình nghiên cứu ở mức độ vừa phải mang thuộc tính kết thúc khoá học của SV các trường cao đẳng, đại học kĩ thuật, là cơ sở chính để hội đồng chấm thi của trường công nhận tốt nghiệp. Đồ án tốt nghiệp gồm lý thuyết, thức nghiệm, tính toán, bản vẽ và các ghi chép, giải thích các luận cứ khoa học.

*Luận văn* là công trình nghiên cứu ở mức độ vừa phải, được trình bày trước hội đồng chấm thi của trường đại học hoặc viện nghiên cứu để công nhận tốt nghiệp đại học hoặc cao học.

Đây là các loại hình kiểm tra và đánh giá đòi hỏi SV phải có kĩ năng nghiên cứu khoa học độc lập, kiến thức tương đối sâu rộng và quỹ thời gian lớn.

Phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng để cao việc cụ thể hoá mục tiêu đào tạo thành các tiêu chí đầu ra (outcomes) hay tiêu chuẩn SV tốt nghiệp (graduate attributes) từ đó xây dựng chương trình học và quy trình kiểm tra, đánh giá trong đó có xây dựng nội dung, cách thức đánh giá. Các tiêu chí đầu ra còn là tiền đề cho việc thành lập tiêu chí và biểu mức đánh giá (criteria and standards) là cơ sở vững chắc cho công tác quản lí chất lượng.

Như vậy, có thể thấy, không có phương pháp kiểm tra và đánh giá nào là vạn năng có thể thay thế hoàn toàn tất cả các phương pháp còn lại. Chúng phải hỗ trợ cho nhau. Giảng viên cần vận dụng thường xuyên nhiều PP. Mỗi PP kiểm tra trên

(Xem tiếp trang 39)